

Số: 105/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Lê Tấn N**; sinh năm: 1994. Trú tại: **Ngõ F K45 L, tổ E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**;

- Bà **Trịnh Phương N1**, sinh năm: 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị**. Chỗ ở: **241 N, H, quận L, thành phố Đà Nẵng**;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024, người yêu cầu là ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** tự nguyện đăng ký kết hôn 2023, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 171, ngày 29/8/2023). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân nhau. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** xác định vợ chồng chưa có con chung.

[3] Về tài sản chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002558 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/8/2023 không còn giá trị pháp luật).

* Về con chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** xác định vợ chồng chưa có con.

* Về tài sản chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** đều xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông **Lê Tấn N** và bà **Trịnh Phương N1** mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002558 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

